

GRAMMAR: PREPOSITIONS OF TIME/ PLACE (AT, IN, ON)

(NGŨ PHÁP: GIỚI TỪ CHỈ THỜI GIAN/ ĐỊA ĐIỂM – AT/ IN/ ON)

UNIT 6: A VISIT TO A SCHOOL

MÔN: TIẾNG ANH 7 GLOBAL SUCCESS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. Giới từ chỉ thời gian

Giới từ	Cách sử dụng	Ví dụ
at	<ul style="list-style-type: none"> - dùng với một thời điểm nhất định - dùng với các kỳ nghỉ như: Christmas (<i>Giáng sinh</i>), Easter (<i>lễ Phục sinh</i>), the weekend (<i>cuối tuần</i>) - dùng với các khoảng thời gian ngắn mà chúng ta xem như một thời điểm nhất định: the end of January (<i>cuối tháng 1</i>), the beginning of the year (<i>đầu năm</i>) - dùng với các bữa ăn: breakfast (<i>bữa sáng</i>), lunch (<i>bữa trưa</i>), dinner (<i>bữa tối</i>),... - dùng kèm với NIGHT khi chúng ta muốn diễn đạt ý “vào ban đêm” hoặc chúng ta muốn nói về một sự việc xảy ra “mỗi đêm” 	<ul style="list-style-type: none"> - at night (<i>vào ban đêm</i>), at midnight (<i>vào giữa đêm</i>), at midday (<i>vào giữa ngày</i>), at 3 o'clock (<i>lúc 3 giờ đúng</i>), at 8.15pm (<i>lúc 8h15 tối</i>) - I will see you at Christmas. (<i>Tôi sẽ gặp bạn vào Giáng sinh.</i>) We often go walking at the weekend. (<i>Chúng tôi thường đi dạo vào cuối tuần.</i>) - I get paid at the end of the month. (<i>Tôi nhận lương vào cuối tháng.</i>) I will start my journey at the beginning of the year. (<i>Tôi sẽ bắt đầu chuyến du ngoạn của mình vào đầu năm.</i>) - We meet at lunch. (<i>Chúng tôi gặp nhau vào bữa ăn trưa.</i>) At breakfast, my brother told us that he was getting married. (<i>Trong bữa sáng nay, anh trai tôi nói rằng anh ấy sắp kết hôn.</i>)
in	<ul style="list-style-type: none"> - Khi chúng ta nói đến một quãng thời gian khá dài như nói đến mùa (spring, summer, autumn, winter) hoặc tháng, năm, thập kỷ, thế kỷ, ... - Khi chúng ta nói về một phần thời gian trong ngày: the morning (<i>buổi sáng</i>), the evening (<i>buổi tối</i>), ... 	<ul style="list-style-type: none"> - In the winter, it's cold. (<i>Vào mùa đông thời tiết lạnh.</i>) In the days that followed her operation, she spent a lot of time in bed. (<i>Vào những ngày sau ca phẫu thuật, cô ấy dành nhiều thời gian trên giường.</i>) - Temperatures today should reach 25 degrees in the afternoon.

		(Nhiệt độ hôm nay có thể là 25 độ vào buổi chiều.)
on	- Khi chúng ta nói về một ngày cụ thể trong tuần, hoặc một phần của một ngày cụ thể - Khi chúng ta đề cập đến một ngày, tháng hoặc ngày lễ cụ thể	- We will meet again on Friday . (Chúng ta sẽ gặp lại nhau vào thứ Sáu.) I have got a meeting on Monday morning . (Tôi có cuộc họp vào sáng thứ Hai.) - We will have a party on Christmas Day . (Chúng ta sẽ có tiệc vào ngày Giáng Sinh.) It's her birthday on the 21st . (Sinh nhật cô ấy vào ngày 21.)

II. Giới từ chỉ địa điểm

Giới từ	Cách sử dụng	Ví dụ
at (tại)	cho chúng ta biết rằng danh từ sau được đặt tại một điểm hoặc vị trí cụ thể. Nó cho thấy một vị trí chính xác.	at home (ở nhà) at school (ở trường) at work (đang đi làm)
in (trong)	cho chúng ta biết danh từ đang ở trong một không gian kín (bao quanh hoặc đóng lại ở tất cả các phía). Về cơ bản, khi một cái gì đó ở bên trong một cái gì đó.	in the classroom (trong lớp học) in the school garden (trong vườn trường) in the playground (trong sân chơi)
on (trên)	cho chúng ta biết rằng danh từ sau đây nằm trên một bề mặt	on the board (trên bảng) on the wall (trên tường) on the second floor (trên tầng 2)